TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Co - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2023/DS-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v : Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành, Bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-DS ngày 27/3/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 12/4/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng A**(Viết tắt: Ngân hàng A)
Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà Sr – 111 A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc Vũ - Chức vụ: Tổng giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
1/ Anh Th – Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
2/ Anh N – Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
3/ Anh T – Cán bộ Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà Py Số 26 U, Phường 25, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số số 098397.22 ngày 09/9/2022)
- *Bị đơn*: Bà **SL** sinh năm 1988
Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện P, tỉnh Đồng Nai
(Có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A(Viết tắt: Ngân hàng A) đã cho bà SL vay số tiền 536.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 8981312.20 ngày 20/02/2020, thời hạn vay 60 tháng từ ngày 22/02/2020 đến ngày 21/02/2025, lãi suất 9.6%/ năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (So với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%) và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng A tại thời điểm điều chỉnh biên độ 4.1%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng vào ngày 21, mỗi kỳ trả 8.933.000 đồng, phần còn lại trả cuối kỳ. Ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21/3/2020;

Hoàn trả lãi: Hàng tháng vào ngày 21, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 21/3/2020; trả phí theo quy định của Ngân hàng A từng thời kỳ; lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng A đã giải ngân cho bà SL theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 8981312(1).20 ngày 21/02/2020 với số tiền 536.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA số khung RNYBD42A6LC175530, số máy G4NAKH420803, biển số 60A-763.12 đứng tên bà SL.

Ngày 28/5/2020 bà SL tiếp tục có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó Ngân hàng đã giải ngân cho bà SL mức tín dụng là 197.000.000 đồng, loại thẻ VIB Travel Elite mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà SL đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 28/4/2023, bà SL đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền là 224.255.671 đồng (Trong đó gốc là 151.861.000 đồng, lãi là 72.394.671 đồng).

Tạm tính đến ngày 28/4/2023, bà Nguyễn Thụy SL còn nợ Ngân hàng A số tiền là: 852.179.238 đồng, trong đó gồm có: Dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 8981312.20 ngày 20/02/2020 là 504.779.696 đồng (Trong đó: nợ gốc là 384.139.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 100.190.818 đồng, lãi trong hạn là 20.449.878 đồng); dư nợ Hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 28/5/2020 là 347.399.542 đồng (Nợ gốc thẻ tín dụng là 196.344.409 đồng, lãi là 91.494.770 đồng, phí là 59.560.363 đồng).

Nay Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1/ Buộc Khách hàng trả ngay cho Ngân hàng A số tiền tạm tính đến ngày 28/4/2023 là: 852.179.238 đồng, trong đó gồm có: Dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 8981312.20 ngày 20/02/2020 là 504.779.696 đồng (Trong đó: nợ gốc là 384.139.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 100.190.818 đồng, lãi trong hạn là 20.449.878 đồng); dư nợ Hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 28/5/2020 là 347.399.542 đồng (Nợ gốc thẻ tín dụng là 196.344.409 đồng, lãi là 91.494.770 đồng, phí là 59.560.363 đồng).

2/ Đề nghị Quý Tòa tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 29/4/2023 cho đến khi Khách hàng thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký.

3/ Khoản vay có tài sản bảo đảm, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3899663.20 ngày 20/02/2020, Ngân hàng A không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay của các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Cụ thể: Buộc Nguyễn Thụy SL phải thanh toán tổng số tiền nợ vốn, lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2023 là 852.179.238 đồng, trong đó gồm có: Dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 8981312.20 ngày 20/02/2020 là 504.779.696 đồng (Trong đó: nợ gốc là 384.139.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 100.190.818 đồng, lãi trong hạn là 20.449.878 đồng); dư nợ Hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 28/5/2020 là 347.399.542 đồng (Nợ gốc thẻ tín dụng là 196.344.409 đồng, lãi là 91.494.770 đồng, phí là 59.560.363 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/4/2023 theo lãi suất nợ quá hạn trong hợp đồng tín dụng và Hợp đồng Thẻ tín dụng cho đến khi bà SL trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam; Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà SL còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ghi nhận việc Ngân hàng A tự nguyện không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay của các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Về án phí: Bà SL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bà SL đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

- Về quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Ngân hàng A khởi kiện bà SL trên cơ sở Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ khoản 3, Điều 26, Điều 30, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" và xác định Ngân hàng A là nguyên đơn, bà SL là bị đơn.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bị đơn bà SL có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân Dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo qui định tại các 35 và 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Bà SL đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà SL sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bà SL có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ vốn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/4/2023 là 852.179.238 đồng, trong đó gồm có: Dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 8981312.20 ngày 20/02/2020 là 504.779.696 đồng (Trong đó: nợ gốc là 384.139.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 100.190.818 đồng, lãi trong hạn là 20.449.878 đồng); dư nợ Hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 28/5/2020 là 347.399.542 đồng (Nợ gốc thẻ tín dụng là 196.344.409 đồng, lãi là 91.494.770 đồng, phí là 59.560.363 đồng). Bà SL phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh kể từ ngày 29/4/2023 theo lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi bà SL trả hết nợ cho Ngân hàng A.

Xét thấy:

[2.1] Về hình thức của Hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng A là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng. Tại thời điểm ký hợp đồng, bà SL đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào hợp đồng từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện và người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2] Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 8981312.20 ngày 20/02/2020 và Đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế và Kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/5/2020, bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bảng kê tính lãi, có cơ sở xác định Ngân hàng A đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay số tiền 536.000.000 đồng và cấp cho bà SL thẻ tín dụng với hạn mức là 197.000.000 đồng.

Tạm tính đến ngày 28/4/2023 bà SL còn nợ Ngân hàng A trong đó tiền nợ gốc của Hợp đồng tín dụng ngày 20/02/2020 là 384.139.000 đồng và nợ gốc của Thẻ tín dụng là 196.344.409 đồng.

Do bà SL vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp với khoản 1 Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

[2.3] Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét bà SL đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8981312.20 ngày 20/02/2020

và Đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế và Kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/5/2020 các điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam. Do đó, Ngân hàng A yêu cầu bà SL có nghĩa vụ trả nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số số 8981312.20 ngày 20/02/2020 với số tiền 384.139.000 đồng và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng quốc tế và Kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/5/2020 với số tiền là 196.344.409 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.4] Về yêu cầu trả tiền lãi: Số tiền lãi quá hạn Ngân hàng A yêu cầu bà SL trả được tính dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng tín dụng số 8981312.20 ngày 20/02/2020 và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng quốc tế và Kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/5/2020 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Do đó, yêu cầu của hàng TMCP Quốc tế Việt Nam về việc buộc bà SL có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/4/2023) của Hợp đồng tín dụng số 8981312.20 ngày 20/02/2020 với số tiền lãi quá hạn là: 100.190.818 đồng, lãi trong hạn là 20.449.878 đồng; lãi, phí của thẻ tín dụng là: lãi 91.494.770 đồng, phí là 59.560.363 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Xét yêu cầu của Ngân hàng A về việc yêu cầu bà SL tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 29/4/2023 trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại Hợp đồng tín dụng số số 8981312.20 ngày 20/02/2020 và Hợp đồng cấp thẻ tín dụng quốc tế và Kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 28/5/2020 nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.6] Ngân hàng A tự nguyện không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm cho các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[2.7] Xét bà SL vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam. Vì vậy, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc bà SL thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng về cấp, tống đạt, trên phương tiện thông tin đại chúng là 10.000.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên bà SL phải chịu chi phí tố tụng về cấp, tống đạt, trên phương tiện thông tin đại chúng là 10.000.000 đồng. Ngân hàng A đã tạm ứng chi phí tố tụng về cấp, tống đạt, trên phương tiện thông tin đại chúng nên bà SL phải nộp lại số tiền này để hoàn trả cho Ngân hàng A.

[4]. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà SL phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự;.

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc bà Nguyễn Thụy SL có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/4/2023 là: 852.179.238 đồng, trong đó gồm có:

+ Dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 8981312.20 ngày 20/02/2020 là 504.779.696 đồng (Trong đó: nợ gốc là 384.139.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 100.190.818 đồng, lãi trong hạn là 20.449.878 đồng);

+ Dư nợ Hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 28/5/2020 là: 347.399.542 đồng (Nợ gốc thẻ tín dụng là 196.344.409 đồng, lãi là 91.494.770 đồng, phí là 59.560.363 đồng).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà SL còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của

Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Ghi nhận việc Ngân hàng A tự nguyện không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay của các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thụy SL phải hoàn trả lại cho Ngân hàng A chi phí tố tụng về cấp, tống đạt, trên phương tiện thông tin đại chúng là 10.000.000 đồng.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thụy SL phải chịu là 37.656.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng A không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.829.000 đồng, theo biên lai thu số 0003031 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Ngân hàng A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà SL có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Đại

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND huyện Tân Phú;*
- *Chi cục THA huyện Tân Phú;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS – LT.*